

Bản án số: 13/2018/KDTM-ST

Ngày 23-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 746/2018/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty V (viết tắt là V); địa chỉ trụ sở: Số 22 đường H V, phường L T T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ngân hàng S (viết tắt là S); địa chỉ trụ sở: Số 77 đường T H Đ, phường T H Đ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn C V, Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ và ông Nguyễn H S- Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng S - Chi nhánh Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 7 năm 2017) ; đều có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH T V (viết tắt là Công ty T V); địa chỉ trụ sở ĐKKD: Số nhà 314 khu 6, thị trấn D Đ, huyện T T, tỉnh Thái Bình; địa chỉ trụ sở

hoạt động: Số 2/3C (tầng 7 tòa nhà K) đường L, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ H H; chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T V; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng ngày 25/5/2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 01 năm 2011 Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (viết tắt Habubank) (đến tháng 9/2012 Habubank sáp nhập vào Ngân hàng S (viết tắt S) ký 02 Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục Hợp đồng với Công ty TNHH T V. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH và các Phụ lục 1, phụ lục 3 ngày 29/7/2011, phụ lục 3B ngày 24/4/2012, phụ lục 04 ngày 29/3/2013, phụ lục 05 ngày 29/3/2014. Theo đó, S cho Công ty T V vay đô la Mỹ (USD) tương đương nhưng không vượt quá số tiền 110.000.000.000 đồng (theo tỷ giá quy đổi tại ; mục đích để mua tàu 7.200 tấn, thời hạn vay 144 tháng (từ ngày 25/4/2011 đến ngày 25/01/2026); lãi suất theo từng thời kỳ, có điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; thời hạn rút tiền vay từ 25/01/2011 đến 25/09/2011. S đã giải ngân cho Công ty T V 04 lần với tổng số tiền 5.480.564 USD, tương đương 109.999.985.580 đồng (theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân)

Khoản vay trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp tài sản là Tàu biển Dynamic Ocean 02, trọng tải 7.307,2 MT hồ hiệu /IMO: 3 W E B 9/9629471, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3312-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng (nay là Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng) cấp ngày 24/12/2013, chủ sở hữu: Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng: 69.NQ/11.TCTS và văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 22/7/2011 số công chứng 303.NQ/11.TCTS, văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 09/8/2016 số công chứng 2171/16.BĐ/663.PTV ngày 10/8/2016; đăng ký thế chấp tại Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng ngày 06/02/2012 theo đúng quy định của pháp luật

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH các Phụ lục 1, phụ lục 3 ngày 30/9/2011, phụ lục 3B ngày 24/4/2012, phụ lục 04 ngày 29/3/2013, phụ lục 05 ngày 29/3/2014, phụ lục 06 ngày 18/9/2014. Theo đó, S cho Công ty T V vay đô la Mỹ (USD) tương đương nhưng không vượt quá số tiền 110.000.000.000 đồng (theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân; mục đích để

mua tàu 7.200 tấn, thời hạn vay 180 tháng (từ ngày 25/4/2011 đến ngày 25/01/2026); lãi suất theo từng thời kỳ, có điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; thời hạn rút tiền vay từ 25/01/2011 đến 25/11/2011. S đã giải ngân cho Công ty T V05 lần với tổng số tiền 5.446.571 USD, tương đương 109.999.980.744 đồng (theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân)

Khoản vay trên được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp tài sản là Tàu biển Dynamic Ocean 03, trọng tải 7.346,1 MT hồ hiệu /IMO: 3 W E P 9/9630511, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3345-VT do Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng (nay là Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng) cấp ngày 27/9/2011, chủ sở hữu: Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng: 70.NQ/11.TCTS và văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 28/9/2011 số công chứng 386.NQ/11.TCTS, văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 18/9/2014 số công chứng 2136/14.BĐ/699.TĐT; đăng ký thế chấp tại Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng ngày 06/02/20012 theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi ký kết 02 Hợp đồng tín dụng, S đã giải ngân cho Công ty T V đủ số tiền số tiền 10.927.135 USD, quy đổi tương đương với số tiền 219.999.966.324 đồng. Ngày 27/10/2016, S bán toàn bộ khoản vay nợ của Công ty T V đối với 02 hợp đồng tín dụng nói trên cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 3568 ngày 27/10/2016. Và S được V ủy quyền để thu hồi, đòi nợ... cho V đối với các khoản vay này theo Hợp đồng ủy quyền số 3569 ngày 27/10/2016. Nội dung này đã được S thông báo cho Công ty T V tại Công văn số 3780 ngày 03/11/2016.

Công ty T V không thực hiện trả nợ đúng theo thỏa thuận và cam kết trả nợ tại các hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, sau ngày 29/3/2017, toàn bộ khoản vay của Công ty đã bị chuyển nợ quá hạn. S đã yêu cầu Công ty T V bàn giao tài sản bảo đảm để S xử lý nợ nhưng Công ty T V không thực hiện. Tính đến ngày phiên tòa 23/11/2018, tổng số tiền Công ty T V còn nợ theo 02 hợp đồng tín dụng là: 12.299.112,04 USD, trong đó: nợ gốc 9.506.640 USD, nợ lãi trong hạn 48.013,49 USD, nợ lãi quá hạn 2.744.458,55 USD.

Quy đổi thành VND tạm tính theo tỷ giá ngày 20/11/2018 của Ngân hàng S (1 USD = 23.365 VND): Tổng dư nợ là 287.368.752.814,6 đồng; trong đó nợ gốc 222.122.643.600 đồng, nợ lãi trong hạn 1.121.835.193,85 đồng, nợ lãi quá hạn 64.124.274.020,75 đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 1101/HP018-1/HĐTD-TDH/2011: tổng dư nợ 5.989.259,6 USD, trong đó nợ gốc 4.641.069 USD, nợ lãi trong hạn 21.900,46 USD, nợ lãi quá hạn 1.326.290,14 USD.

+ Hợp đồng tín dụng số 1101/HP018-2/HĐTD-TDH/2011: tổng dư nợ 6.309.852,44 USD, trong đó nợ gốc là 4.865.571 USD, nợ lãi trong hạn là 26.113,03 USD, nợ lãi quá hạn là 1.418.168,41 USD.

Vì vậy, V khởi kiện buộc Công ty T V phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản nợ gốc và nợ lãi nói trên; và tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và phụ lục được ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

- Về yêu cầu phát mại tài sản: Trường hợp Công ty T V không trả được nợ, nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại và xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm :

+ Tàu biển Dynamic Ocean 02, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3312-VT ngày 19/07/2011, chủ sở hữu: Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng: 69.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng.

+ Tàu biển Dynamic Ocean 03, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3345-VT ngày 27/9/2011, chủ sở hữu: Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng: 70.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện bị đơn có quan điểm trình bày trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:

Khoảng tháng 10/2014 ông Vũ H H mua lại cổ phần của Công ty TNHH T V và trở thành giám đốc - người đại diện theo pháp luật của Công ty T V. Đại diện bị đơn xác nhận việc Công ty T V ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) và các phụ lục hợp đồng, ký 02 hợp đồng thế chấp và các văn bản thỏa thuận sửa đổi như đại diện nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Công ty T V đã thế chấp 02 tài sản bảo đảm của công ty là tàu biển Dynamic Ocean 02, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3312-VT ngày 19/07/2011 và tàu biển Dynamic Ocean 03, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3345-VT ngày 27/9/2011.

Từ khi ông Hải giữ chức vụ giám đốc Công ty T V, bị đơn vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn theo đúng cơ cấu trả nợ đã được hai bên ký kết tại Phụ lục Hợp đồng số 05 ngày 29/3/2014. Tuy nhiên, đến tháng 4/2017 Công ty T V chưa thanh toán được đầy đủ nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận cơ cấu trả nợ giữa hai bên do kinh tế công ty gặp khó khăn. Công ty T V đã được Thông báo về việc mua bán nợ của S đối với khoản vay của Công ty. Theo đó, S bán toàn bộ khoản vay nợ của Công ty T V đối với 02 hợp đồng tín dụng nói trên

cho Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (V) theo Hợp đồng mua bán nợ số 3568 ngày 27/10/2016. Và S được V ủy quyền để thu hồi, đòi nợ... cho V đối với các khoản vay này theo Hợp đồng ủy quyền số 3569 ngày 27/10/2016. Nội dung này đã được S thông báo cho Công ty T V tại Công văn số 3780 ngày 03/11/2016.

Đến nay V khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Công ty T V thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi nói trên. Quan điểm của đại diện bị đơn: Toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng giai đoạn trước khi đại diện bị đơn là ông Vũ H H làm giám đốc ông Hải không được biết. Vì vậy, Công ty T V chỉ đồng ý cho nguyên đơn phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là 02 con tàu Dynamic Ocean 02 và Dynamic Ocean 03 theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên để thu hồi trả nợ trong giá trị của các tài sản bảo đảm

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên là hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đủ số tiền nợ gốc là 10.927.135 USD. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 121, 122, 342, 351, 355, 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Điều 13, khoản 2 Điều 16 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/02/2001; khoản 4 Điều 1 Quyết định 127/2005/ QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Án lệ số 08/2016/AL công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án của Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 23/11/2018 là 12.299.112,04 USD; trong đó: Nợ gốc 9.506.640 USD, nợ lãi trong hạn 48.013,49 USD, nợ lãi quá hạn 2.744.458,55 USD.

Công ty TNHH T V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp nguyên đơn không thanh toán được khoản nợ gốc, nợ lãi trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Công ty V có quyền yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm là các tàu biển Dynamic Ocean 02 và Dynamic Ocean 03 theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung giữa các bên.

Về án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 395.368.753 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí 189.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh là Công ty V và Công ty TNHH T V được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Công ty TNHH T V có trụ sở hoạt động trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét về áp dụng pháp luật nội dung:

[2] Việc ký kết các Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH và các Phụ lục của hai hợp đồng này; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011 số công chứng 69.NQ/11.TCTS, Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011 số công chứng 70.NQ/11.TCTS và các văn bản sửa đổi bổ sung của các hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng HSB (sau này là S) được xác lập vào thời điểm năm 2011; đến nay có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Các Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH và các Phụ lục của hai hợp đồng này được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng S và bên vay là Công ty TNHH T Vtuân thủ quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 với các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy các hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Theo đó, S đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho Công ty T V vay đủ số tiền của 02 hợp đồng là 10.927.135 đô la Mỹ (USD) tương đương số tiền 219.999.966.324 đồng. Công ty T V đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo điều khoản trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, vi phạm các kỳ hạn thanh toán trả nợ và đã phải cơ cấu lại việc trả nợ nhiều lần. Thời điểm vi phạm gần nhất của bị đơn là sau ngày 29/3/2017. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định trong các hợp đồng tín dụng. V đã mua lại khoản nợ nói trên của Công ty T V đối với Ngân hàng S. Vì vậy, V khởi kiện buộc Công ty T V phải trả nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 471; 473; 474 Bộ luật Dân sự 2005. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, ngày 23/11/2018, Công ty T V còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho V số tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại của 02 Hợp đồng tín dụng như sau:

[4] Đối với Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH ngày 25/11/2011 tổng nợ gốc, lãi là: 5.989.259,6 USD. Cụ thể:

- Nợ gốc: 4.641.069 USD
- Nợ lãi trong hạn: 21.900,46 USD
- Nợ lãi quá hạn: 1.326.290,14 USD

[5] Đối với Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH ngày 25/11/2011 tổng nợ gốc, lãi là: 6.309.852,44 USD. Cụ thể:

- + Nợ gốc: 4.865.571 USD
- + Nợ lãi trong hạn: 26.113,03 USD
- + Nợ lãi quá hạn: 1.418.168,41 USD

[6] Như vậy, Công ty T V còn nợ V tổng các khoản tiền nợ gốc, nợ lãi đối với các Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH ngày 25/01/2011 tổng số tiền là: 12.299.112,04 USD, quy đổi theo tỷ giá của Ngân hàng S tại thời điểm xét xử (1 USD = 23.365 VND) tương đương 287.368.752.814,6 đồng (làm tròn 287.368.753.000 đồng). Trong đó:

- + Nợ gốc: 9.506.640 USD

- + Nợ lãi trong hạn: 48.013,49 USD
- + Nợ lãi quá hạn: 2.744.458,55 USD
- Về yêu cầu phát mại tài sản:

[7] Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, S và Công ty T V còn ký kết các Hợp đồng thế chấp ngày 11/02/2011 số công chứng 69.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng đối với tàu biển Dynamic Ocean 02 giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3312-VT ngày 19/07/2011, chủ sở hữu Công ty TNHH T V và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng 70.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng đối với tàu biển Dynamic Ocean 03, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3345-VT ngày 27/9/2011, chủ sở hữu Công ty TNHH T V. Các Hợp đồng thế chấp nói trên đều được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 3, thành phố Hải Phòng; đã được đăng ký thế chấp tại Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng (hiện nay là Chi cục Hàng Hải Việt Nam tại thành phố Hải Phòng) phù hợp với quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Vì vậy, trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ nói trên từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Công ty TNHH T V còn phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người thế chấp đối với V theo thỏa thuận của hợp đồng thế chấp và văn bản sửa đổi, bổ sung nêu trên theo quy định tại các Điều 342; 351; 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Về án phí:

[8] Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Yêu cầu khởi kiện của V được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 189.000.000 đồng.

[9] Bị đơn Công ty T V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 112.000.000 đồng + 0,1% x (287.368.753.000 đồng - 4.000.000.000 đồng) = 395.368.753 đồng.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95 của Luật các tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào các điều 121, 122, 342, 351, 355, 471, 473, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch dịch bảo đảm; Điều 13, khoản 2 Điều 16 Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 02 năm 2001 về việc ban hành quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; khoản 4 Điều 1 Quyết định 127/2005/ QĐ-NHNN ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, điều chỉnh lãi suất ... được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T V.

1. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T V phải trả cho nguyên đơn Công ty V tổng số tiền nợ còn lại của Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH ngày 25/01/2011 và các phụ lục hợp đồng tổng số tiền là: **12.299.112,04 USD**; trong đó: Nợ gốc 9.506.640 USD, nợ lãi trong hạn: 48.013,49 USD, nợ lãi quá hạn: 2.744.458,55 USD. Cụ thể số nợ theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-1/HĐTD-TDH ngày 25/11/2011 tổng nợ là: 5.989.259,6 USD; gồm: Nợ gốc 4.641.069 USD, nợ lãi trong hạn: 21.900,46 USD, nợ lãi quá hạn: 1.326.290,14 USD

- Đối với Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1101HP018-2/HĐTD-TDH ngày 25/11/2011 tổng nợ gốc, lãi là: 6.309.852,44 USD; gồm: Nợ gốc: 4.865.571 USD, nợ lãi trong hạn: 26.113,03 USD, nợ lãi quá hạn: 1.418.168,41 USD

Việc trả tiền nợ trên được thực hiện quy đổi theo tỷ giá ngoại tệ được công bố tại thời điểm trả nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH T V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về quyền phát mại tài sản:

Trường hợp Công ty TNHH T V không trả được số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên, Công ty V có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ gồm:

- Tàu biển Dynamic Ocean 02 giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3312-VT ngày 19/07/2011, chủ sở hữu Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng 69.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng.

- Tàu biển Dynamic Ocean 03, giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN-3345-VT ngày 27/9/2011, chủ sở hữu Công ty TNHH T V theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 11/02/2011, số công chứng 70.NQ/11.TCTS và các văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng.

3. Về án phí:

Công ty TNHH T V phải chịu 395.368.753 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 189.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14923 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Công ty V, bị đơn Công ty TNHH T V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu